TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2018/DS-PT
Ngày: 30 - 01 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên
Bà Trịnh Xuân Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 135/2017/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 377/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Quách Chấn V , sinh năm 1958.

Địa chỉ cư trú: Số 150, đường L, khóm X, phường Y, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Minh H , sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 24, đường A , khóm X, phường Y, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Bé T , sinh năm 1955 (vắng mặt)
2. Bà Võ Tuyết M , sinh năm 1958 (có mặt)
3. Anh Nguyễn Niềm T , sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú : 410, N , khóm X, Phường Y, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Tuyết M : Luật sư Nguyễn Văn Truyền – Văn phòng luật sư Ngô Đình Chiến, Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú : 343/5H, Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Anh Nguyễn Phát An, sinh năm 1991(vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 410, N , khóm X, Phường Y, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của anh A và chị Y là anh Nguyễn Niềm T , sinh năm 1979 (có mặt). Địa chỉ cư trú: 410, N, khóm X, phường Y, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Tuyết M và anh Nguyễn Niềm T – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đặng Minh H trình bày: Vào ngày 04/12/2007, ông Quách Chấn V có cho ông Nguyễn Bé T , bà Võ Tuyết M và anh Nguyễn Niềm T vay 770.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có làm hợp đồng vay, ông T , bà M , anh T có thế chấp cho ông Quách Chấn V tài sản gồm hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) với diện tích 7.872m^2 tại phường X , thành phố C theo giấy CNQSDĐ số: T905151 do UBND thành phố C , cấp ngày 31/01/2002 cho hộ bà Võ Tuyết M , ông Nguyễn Bé T . Một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 540m^2 tại phường X , thành phố C theo giấy CNQSDĐ số W 174099 do UBND thành phố C , cấp ngày 08/11/2002cho anh Nguyễn Niềm T . Việc vay tiền có thế chấp tài sản có lập hợp đồng vay tiền được công chứng tại Phòng Công chứng số 01, ông V giữ hai giấy CNQSD đất bản gốc nói trên. Lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, phía bên vay có đóng được lãi một thời gian nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu.

Năm 2014 bà M và anh T , đến gặp ông V để mượn lại GCNQSD đất do anh T đứng tên đến nay chưa trả. Ngày 28/7/2015 ông V và bà M gặp nhau thỏa thuận chốt nợ thì bà M thừa nhận còn nợ ông V , cả vốn và lãi là 1.960.000.000 đồng, bà M có làm biên nhận nợ cho ông V trong đó ghi số tiền vốn là 770.000.000 đồng, sau đó thì ngưng không đóng lãi cho đến nay là 24 tháng. Nay ông V yêu cầu ông T , bà M và anh T phải thanh toán cho ông V số tiền tổng cộng vốn và lãi là 2.161.900.000 đồng và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho ông V .

Ông V xin rút một phần đơn khởi kiện đối với anh T về phần đất đã thế chấp cho ông V với diện tích 540m^2 do anh T đứng tên.

Ngày 09/10/2017 ông V nộp đơn yêu cầu bổ sung, yêu cầu ông T , bà M và anh T phải thanh toán cho ông V cả vốn và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.302.983.666 đồng và y êu cầu xử lý một tài sản thế chấp là QSDĐ theo GCNQSDĐ số T 905151 do UBND thành phố C cấp ngày 31/01/2002 cho hộ bà Mai, ông T .

Bị đơn bà Võ Tuyết M trình bày: Ngày 04/12/2007 vợ chồng bà có vay của ông V số tiền là 770.000.000 đồng với lãi suất là 2%/tháng có thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như anh H trình bày là đúng. Sau khi vay tiền, bà M và ông T có đóng lãi được một thời gian nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu , ngày 19/9/2014 thì bà M có thanh toán cho ông V được 100.000.000 đồng nên ông

V cho nhận lại giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên Nguyễn Niềm T . Đến ngày 28/7/2015 thì đôi bên quyết toán nợ , bà M thừa nhận còn nợ ông V cả vốn và lãi 1.960.000.000 đồng. Nay phía ông V rút một phần đơn khởi kiện đối với anh T và không yêu cầu xử lý phần đất thế chấp đứng tên anh T bà M đồng ý. Đối với số nợ vốn và lãi đôi bên thỏa thuận ngày 28/7/2015 bà M thừa nhận còn nợ tổng cộng là 1.960.000.000 đồng bà M đồng ý thanh toán số tiền này và yêu cầu không tính lãi thêm.

Tại phiên tòa , bà M thống nhất số nợ vốn còn nợ ông V là 770.000.000 đồng, nhưng bà M yêu cầu điều chỉnh lãi theo quy định của pháp luật, đối trừ số tiền bà M đã thanh toán, còn lại sẽ thanh toán tiếp.

Đối với phần đất thế chấp còn lại theo hợp đồng có diện tích 7.872m^2 do hộ bà M và ông T đứng tên, sau khi thế chấp cho ông V thì phần đất này đã bị Nhà nước thu hồi một phần, ông V có cho bà M mượn giấy chứng nhận QSDĐ để điều chỉnh lại, hiện nay chỉ còn lại diện tích là 2.508,5m^2 bà M yêu cầu chia bốn phần chỉ phát mãi một phần của bà, phần còn lại là của ba người con bà là anh T , anh A và chị Y .

Bị đơn anh Nguyễn Niềm T , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Như Y, anh Nguyễn Phát A trình bày: Các anh chị là con của ông T bà Mai, phần đất diện tích 7.827m^2 đứng tên hộ ông bà Võ Tuyết M , Nguyễn Bé T là của chung gia đình các anh chị gồm 5 người. Phần đất nà y mua năm 1993, đến năm 1999 bà M và ông T ly hôn có quyết định của Tòa án giao đất cho bà M nhưng thực chất có thỏa thuận viết tay giao đất cho bà M và anh T , anh A và chị Y . Năm 2002 khi làm giấy chứng nhận QSDĐ thì ông T chưa cắt hộ khẩu nên làm giấy cho hộ gia đình có tên ông T , hiện nay phần đất này thuộc quyền sử dụng của bà M cùng với anh T , anh A và chị Y , không liên quan đến ông T . Khi bà M và ông T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V các anh chị không biết vì còn đang đi học, số tiền vay của ông V , ông T đem đi sử dụng cá nhân một phần, còn bà M sử dụng một phần để mở nhà hàng ăn uống kinh doanh. Nay ông V yêu cầu xử lý phát mãi phần đất này, anh T , anh A và chị Y không thống nhất, yêu cầu chỉ phát mãi phần của bà M , giữ lại phần của các anh chị . Hiện nay các anh chị không yêu cầu phân ch ia phần đất này, khi nào thi hành án các anh chị sẽ yêu cầu sau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 135/2017/DS-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Quách Chấn V buộc ông Nguyễn Bé T , bà Võ Tuy ết M , anh Nguyễn Niềm T thanh toán cho ông V tổng số tiền 2.061.371.266 đồng.

Ông T , bà M , anh T có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất phần diện tích 2.508,5m^2 thuộc thửa số 08, 29, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại phường X , thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T905151 do UBND thành phố C cấp ngày 31/01/2002 cho hộ bà Võ Tuyết M , ông Nguyễn Bé T cho ông V để xử lý tài sản đảm bảo, trường hợp ông T , bà M , anh T không giao tài sản thì ông V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý phát mãi theo quy định.

Ngày 06/11/2017 bà Võ Tuyết M và anh Nguyễn Niềm T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà M và anh T thay đổi yêu cầu kháng cáo, bà M và anh T yêu cầu số tiền vốn vay 770.000.000 đồng vào ngày 04 tháng 12 năm 2007 phải đối trừ với số tiền 100.000.000 đồng đã trả vào ngày 19/9/2014, còn lại số tiền vốn là 660.000.000 đồng tính lãi theo Bộ luật dân sự năm 2015 quy định là 20%/ năm đến khi xét xử sơ thẩm là 118 tháng bằng 1.982.000.000 đồng nhưng đã trả lãi được 225.000.000 đồng còn lại bà M và anh T đồng ý trả cho ông V là 1.757.396.000 đồng. Không chấp nhận giao tài sản thế chấp cho ông V để xử lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M , anh T và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M tranh luận cho rằng, vào ngày 06/10/2003, bà M và ông T vay của ông V 400.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, đã đóng lãi đến tháng 6/2006 là 335.000.000 đồng, chưa trả vốn. Đến ngày 28/11/2007 tính vốn, lãi và ông V đưa thêm một số tiền, tổng cộng là 770.000.000 đồng nên bà M và ông T làm lại hợp đồng vay tiền vào ngày 04/12/2007 do bà M , ông T và anh T ký tên, đồng thời có thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào ngày 19/9/2014, anh T đã trả cho ông V 100.000.000 đồng nên ông V đã giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T đứng tên, còn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà M và ông T đứng tên do ông V vẫn tiếp tục giữ để đảm bảo số nợ vay là 670.000.000 đồng cho đến nay. Do đó hiện nay chỉ chấp nhận trả số nợ vốn là 670.000.000 đồng theo lãi suất 20%/năm tính từ ngày 28/11/2007 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối trừ với số tiền lãi đã trả 225.000.000 đồng. Số còn lại bà M chấp nhận trả cho ông V .

Anh Nguyễn Niềm T tranh luận cho rằng trong số nợ 770.000.000 đồng do anh ký tên, anh có nhận số tiền 100.000.000 đồng, do đó anh có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh đứng tên cho ông V . Đã qua, anh đã trả cho ông V số tiền 100.000.000 đồng và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay số nợ lãi còn lại anh đồng ý cùng bà M trả nợ.

Anh H đại diện theo ủy quyền của ông V tranh luận cho rằng hợp đồng vay tiền 400.000.000 đồng vào ngày 06/10/2003 giữa bà M và ông T đã thanh toán xong, hiện nay ông V khởi kiện bà M , ông T và anh T để yêu cầu trả số tiền vay 770.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2007 được bà M và anh T thừa nhận ký tên và bà M cũng thừa nhận đã tính số nợ vốn và lãi đến ngày 28/7/2015 là 1.960,000 đồng, bà M viết biên nhận và ký tên, do đó hiện nay ông V khởi kiện yêu cầu bà M , ông T và anh T phải trả số tiền 1.960.000.000 đồng và tính lãi theo Nhà nước quy định từ ngày 28/7/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm và xử lý tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà M , ông T và anh T thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C về phần xử lý tài sản thế chấp, không buộc bà M , ông T và anh T giao tài sản thế chấp cho ông V để xử lý tài sản bảo đảm. Buộc bà M , ông T và anh T trả cho ông V vốn và lãi là số tiền là 2.061.371.266 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Tuyết M , anh T , Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà M và ông Bé Tư có vay của ông V số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 06 tháng 10 năm 2003 được thể hiện tại hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản do ông Bé Tư và bà M ký tên, ông V thừa nhận. Ông V cho rằng hợp đồng vay tiền này bà M và ông T đã thanh toán xong. Hiện nay ông V khởi kiện bà M , ông T và anh T để đòi số tiền vốn là 770.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2007.

Bà M cho rằng năm 2003, bà M vay của ông V 400.000.000 đồng và có nộp lãi 2,5% cho ông V đến ngày 6/02/2006 với số tiền lãi là 335.000.000 đồng, số vốn chưa trả, đến ngày 28/11/2007 ông V đã cộng vốn và lãi lên với số tiền 770.000.000 đồng. Lời trình bày của bà M là không có cơ sở. Bởi lẽ theo hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2007 do bà M , ông T và anh T thừa nhận đã ký tên để vay 770.000.000 đồng của ông V không thể hiện vốn bao nhiêu, lãi bao nhiêu mà chỉ thể hiện số tiền vay là 770.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng. (BL 21). Vào ngày 28/7/2015 bà M cũng đã làm biên nhận cho ông V thừa nhận còn nợ ông V vốn và lãi là 1.960.000 đồng trong đó có số tiền vốn 770.000.000 đồng (BL 20). Do đó, có cơ sở cho rằng bà M , ông T , và anh T có vay số tiền 770.000.000 đồng của ông V vào ngày 04/12/2007.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà M yêu cầu đối trừ với số tiền 100.000.000 đồng bà M và anh T đã trả cho ông V vào ngày 19/9/2014 để trừ vào số tiền nợ 770.000.000 đồng vốn. Xét thấy yêu cầu này của bà M là không có cơ sở, bởi lẽ vào ngày 27/8/2015 bà M viết biên nhận thừa nhận còn nợ ông V số tiền vốn là 770.000.000 đồng, nhưng việc bà M và anh T trả số tiền 100.000.000 đồng cho ông V vào ngày 19/9/2014, như vậy số tiền này được trả trước ngày bà M làm biên nhận nợ cho ông V ngày 28/7/2015. Hơn nữa nếu tính số tiền 770.000.000 đồng do bà M vay tiền của ông V lãi suất 2% vào ngày 04/12/2007 đến ngày bà M làm biên nhận nợ cho ông V là ngày 28/7/2015, sau khi đối trừ với số tiền 100.000.000 đồng anh T và bà M trả cho ông V và số tiền 225.000.000 đồng do bà M nộp lãi cho ông V thì số tiền còn lại cả vốn và lãi là 1.960.000.000 đồng như biên nhận nợ bà M đã ghi cho ông V là phù hợp.

Do đó, có cơ sở cho rằng, bà M , ông T và anh T còn nợ ông V số tiền vốn là 770.000.000 đồng. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà M về việc đối trừ số tiền vốn đã trả 100.000.000 đồng vào số tiền 770.000.000 đồng.

[2] Về khoản lãi : Bà M và anh T yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 là 1,66%/ tháng đối số tiền vốn bà M , ông T và anh T còn nợ ông V , bà M không thống nhất tính lãi 2% như biên nhận nợ bà M đã viết và ký tên giao cho ông V vào ngày 28/7/2015. Anh H thống nhất mức lãi suất điều chỉnh theo yêu cầu của bà M là 1,66%/tháng tính từ ngày 04/12/2007 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét thấy mức lãi suất 2% do bà M thỏa thuận ghi biên nhận cho ông V là cao hơn mức lãi suất do Nhà nước quy định. Do đó, yêu cầu của Mai về việc điều

chỉnh lãi suất theo Bộ luật Dân sự là có cơ sở. Anh H cũng chấp nhận theo mức lãi suất này.

Như vậy số tiền vốn được xác định là 770.000.000 đồng tính từ ngày 04/12/2007 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/10/2017 là 118 tháng 19 ngày, lãi suất được tính là 1,66% tháng. Cụ thể 770.000.000đ x 1,66%/tháng x 118 tháng 19 ngày = 1.516.371.266 đồng lãi, cộng với số tiền vốn là 770.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 2.286.371.266 đồng.

Tại hồ sơ, bà M có cung cấp 04 biên nhận trong đó thể hiện phía ông V có nhận của bà M số tiền của bà M là 225.000.000 đồng. Anh H thừa nhận số tiền này và đồng ý đối trừ. Do đó số tiền vốn và lãi còn lại là 2.061.371.266 đồng.

Đối với anh T cho rằng đã qua có trả cho ông V 100.000.000 đồng và ông V đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T , tại phiên tòa phúc thẩm, anh T cũng đồng ý cùng bà M và ông T trả số tiền còn lại cho ông V . Do đó buộc bà M , ông T và anh T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông V 2.061.371.266 đồng.

Cấp sơ thẩm quyết định buộc bà M , ông T và anh T trả cho ông V tổng số tiền 2.061.371.266 đồng là có cơ sở.

[3] Đối với việc xử lý tài sản thế chấp: Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2007 giữa ông V , bà M , ông T và anh T có thể hiện việc bà M , ông T và anh T thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V được công chứng. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 điều 717 BLDS năm 2005 quy định "Bên thế chấp có nghĩa vụ làm thủ tục đăng ký việc thế chấp…" Theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 quy định về giao dịch bảo đảm " Các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm bao gồm thế chấp quyền sử dụng đất…"

Theo công văn số 26/CNVPĐKĐĐ ngày 22/3/2016 của chi nhánh văn phòng ĐKQSĐĐ thành phố C thì quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường X , thành phố C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T905151 do UBND thành phố C cấp ngày 31/01/2002 cho hộ bà Võ Tuyết M , ông Nguyễn Bé T không đăng ký giao dịch đảm bảo.

Do đó việc thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2007 là vô hiệu kể từ ngày xác lập.

Hiện nay phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 905151 do UBND thành phố C cấp cho hộ gia đình bà M và ông T đã bị Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 11/QĐ-CTHADS ngày 12/9/2016 để kê biên thi hành án theo bản án dân sự sơ thẩm số 12/2015/DS-ST ngày 8/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Do đó cấp sơ thẩm đã giao cho ông V được thanh lý tài sản thế chấp là không đúng, vì vậy không chấp nhận phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng vay tiền ngày 04/12/2007. Sửa một phần bản án sơ thẩm về việc xử lý tài sản thể chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc tranh luận của mình về số tiền vốn vay còn nợ của ông V , nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất bà M

không đồng ý giao cho ông V để xử lý tài sản thế chấp vì hiện nay tài sản này đang bị kê biên là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo của bà M và anh T được chấp nhận một phần, nên bà M và anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Võ Tuyết M và anh Nguyễn Niềm T .

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 135/2017/DS-ST ngày 23/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C .

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Quách Chấn V buộc ông Nguyễn Bé T , bà Võ Tuyết M và anh Võ Niềm T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông V tổng số tiền 2.061.371.266 đồng (Hai tỷ, không trăm sáu mươi một triệu, ba trăm bảy mươi một ngàn, hai trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Quách Chấn V về việc yêu cầu bà M , ông T và anh T phải giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số T905151do UBND thành phố C cấp cho hộ bà Võ Tuyết M và ông Nguyễn Bé T để xử lý tài sản thế chấp.

Buộc ông Quách Chấn V trả lại cho bà Võ Tuyết M và ông Nguyễn Bé T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T905151do UBND thành phố C cấp cho hộ bà Võ Tuyết M và ông Nguyễn Bé T .

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách Chấn V không phải chị án phí, đã qua ông V đã dự nộp 37.246.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002783 ngày 15/3/2017 được nhận lại. Bà Võ Tuyết M , ông Nguyễn Bé T và anh Nguyễn Niềm T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 73.227.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C , tỉnh Cà Mau.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Tuyết M và anh Nguyễn Niềm T không phải chịu. Đã qua, bà M và anh T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số

0003917 ngày 06/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C ;
- Chi cục THADS thành phố C ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Phương Loan